

Drag Vocab Review

I. NỐI TỪ VỚI NGHĨA.

- | | |
|---------------|-------------------------|
| 1. burden | A. khi mà |
| 2. discuss | B. đáng kể |
| 3. respect | C. những cái này |
| 4. personal | D. nếu |
| 5. workload | E. gánh nặng |
| 6. greatly | F. khối lượng công việc |
| 7. these | H. giảm bớt |
| 8. as long as | I. thảo luận |
| 9. suggest | J. nghỉ hưu |
| 10. if | K. những cái này |
| 11. retired | L. đề nghị |
| 12. lessen | M. tôn trọng |

II. VIẾT CÁC CÂU SAU BẰNG TIẾNG ANH.

1. Trả hết nợ:
2. Hoà hợp:
3. Chi phí kinh doanh:
4. Trong giờ làm:
5. Vượt xa hơn:
6. Vượt lên trên cả:

